

Xypex Modified

Phiếu An toàn Hóa chất

theo Thông tư 32/2017/TT-BCT

Ngày phát hành: 13/11/2025 Ngày sửa đổi: 13/11/2025 Phiên bản: 01



MỤC 1: Mã phân loại sản phẩm theo GHS hoặc các nhận dạng khác của sản phẩm/hóa chất

1.1. Mã phân loại sản phẩm theo GHS hoặc các nhận dạng khác của sản phẩm/hóa chất

Tên sản phẩm : Xypex Modified
Mã sản phẩm : Waterproofing and protection of concrete.

1.2. Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Khuyến cáo sử dụng : Sản xuất sản phẩm từ khoáng chất phi kim, vd: vữa trát, xi măng
Hạn chế sử dụng : Không sử dụng vào mục đích khác ngoài mục đích chính của sản phẩm

1.3. Thông tin nhà cung cấp

Xypex Australia
76 Merkel Street
Thurgoona NSW 2640
Australia
T 02 6040 2444

1.4. Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

Số khẩn cấp : 02 6040 2444 (Bus Hrs: Mon - Fri, 8:30am - 4pm; AEST)

MỤC 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

2.1. Phân loại theo GHS

Phân loại theo thông tư 32/2017/TT-BCT

Ăn mòn/kích ứng da, Nhóm 2	Gây kích ứng da.
Tổn hại mắt/kích ứng mắt nghiêm trọng, Nhóm 1	Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Tính gây ung thư, Nhóm 1A	Có thể gây ung thư.
Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể – Phơi nhiễm một lần, Nhóm 3,	Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
Kích ứng đường hô hấp	
Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể – Phơi nhiễm nhiều lần, Nhóm 1	Gây tổn thương cho các cơ quan qua phơi nhiễm lặp lại hoặc phơi nhiễm kéo dài.

2.2. Các yếu tố nhãn theo GHS

Ký hiệu tượng hình về mức độ nguy hiểm (GHS VN)



Từ cảnh báo (GHS VN)

: Nguy hiểm

Chứa

: Portland Cement, Alkaline Earth Compound, Silica Sand (graded)

Cảnh báo nguy cơ (GHS VN)

: H315 - Gây kích ứng da
H318 - Gây tổn thương mắt nghiêm trọng
H335 - Có thể gây kích ứng đường hô hấp
H350 - Có thể gây ung thư
H372 - Gây tổn thương cho các cơ quan qua phơi nhiễm lặp lại hoặc phơi nhiễm kéo dài
P201 - Cần được hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng
P202 - Không sử dụng cho đến khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc và hiểu
P260 - Không được hít bụi/khói/khí/sương mù / hơi / sương
P264 - Rửa sạch ... sau khi sử dụng
P270 - Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này
P271 - Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc trong khu vực thoáng khí
P280 - Đeo thiết bị bảo hộ mắt, quần áo bảo hộ, găng tay bảo hộ
P281 - Sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân theo yêu cầu
P302+P352 - NẾU TIẾP XÚC VỚI DA: Rửa bằng nhiều nước/...
P304+P340 - NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân đến khu vực không khí trong lành và giữ

nạn nhân ở tư thế dễ hô hấp

P305+P351+P338 - **NEU VAO MAT**: Rửa sạch một cách thận trọng bằng nước trong vài phút. Loại bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa

P308+P313 - Nếu tiếp xúc hoặc quan ngại: Hỏi ý kiến tư vấn y tế

P310 - Ngay lập tức gọi trung tâm chống độc hoặc bác sĩ /nhân viên y tế

P312 - Gọi trung tâm chống độc hoặc bác sĩ /nhân viên y tế nếu bạn thấy không khỏe

P314 - Hãy ý kiến tư vấn y tế nếu bạn thấy không khỏe

P321 - Áp dụng điều trị (xem ... trên nhãn này)

P332+P313 - Nếu xảy ra kích ứng da: Hỏi ý kiến tư vấn y tế

P362 - Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi tái sử dụng

P403+P233 - Lưu trữ trong môi trường thoáng khí. Giữ bao bì kín

P405 - Lưu trữ có khóa chặt

P501 - Xả bỏ chất chứa bên trong/bao bì chứa đựng tại điểm thu gom rác thải nguy hiểm hoặc đặc biệt, theo quy định địa phương, khu vực, quốc gia và/hoặc quốc tế

2.3. Các thông tin nguy hại khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 3: Thông tin về thành phần các chất

3.1. Đơn chất

Không áp dụng được

3.2. Hỗn hợp chất

Thành phần	Số CAS	Tỷ lệ
Xi măng Portland	65997-15-1	20-35%
Hợp chất kiềm thổ	1305-62-0	13-<50%
Cát Silica (phân loại)	14808-60-7	30-60%
Canxi Aluminat	—	1-10%
Các thành phần được xác định là không nguy hại		Phần còn lại

Hỗn hợp này không chứa bất cứ chất nào cần được nhắc tới theo các quy định hiện hành

MỤC 4: Biện pháp sơ cứu về y tế

4.1. Mô tả biện pháp sơ cứu

- Sơ cứu tổng quát
- : TRONG TRƯỜNG HỢP có phơi nhiễm hoặc liên quan: Liên hệ với bác sĩ để được tư vấn và theo dõi.
- Sơ cứu trong trường hợp hít phải
- : Đưa người liên quan ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế dễ thở. Gọi cho trung tâm chống độc hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.
- Sơ cứu trong trường hợp tiếp xúc với da
- : Rửa da lại với nhiều nước. Cởi bỏ quần áo bị phơi nhiễm. Trong trường hợp có kích ứng da: Liên hệ bác sĩ để được tư vấn/theo dõi.
- Sơ cứu khi có tiếp xúc với mắt
- : Rửa lại với nước một cách cẩn thận trong vòng nhiều phút. Tháo kính sát tròng nếu có và nếu có thể tháo dễ dàng. Tiếp tục rửa. Thông báo ngay cho bác sĩ.
- Sơ cứu trong trường hợp nuốt phải
- : Gọi cho trung tâm chống độc hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.

4.2. Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này

- Triệu chứng/tác dụng sau khi hít phải
- : Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
- Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với da
- : Kích ứng.
- Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với mắt
- : Nguy cơ tổn thương mắt nghiêm trọng.
- Triệu chứng/tác dụng sau khi nuốt phải
- : Không có trong điều kiện thường.

4.3. Các chỉ thị và hướng dẫn cấp cứu đặc biệt cần thiết

- Ý kiến y khoa khác hoặc điều trị
- : Điều trị triệu chứng.

MỤC 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

5.1. Các phương tiện chữa cháy thích hợp

- Chất chữa cháy thích hợp : Nước phun. Bột khô. Bột.
- Tác nhân tiêu hủy không tương ứng : Không sử dụng dòng nước mạnh.

5.2. Các chất độc được sinh ra khi bị cháy

- Nguy cơ hỏa hoạn : Không có nguy cơ gây cháy.
- Nguy cơ nổ : Không có nguy cơ nổ trực tiếp.
- Biện pháp chung : Thông báo cho các cấp chính quyền nếu sản phẩm rơi vào hệ thống cống rãnh hay nước công cộng. Thăm mọi chất bị vương đổ nhằm tránh sự cố gây hư hại vật chất. Không được hành động nếu không đào tạo thích hợp hoặc liên quan đến bất kỳ rủi ro cá nhân.
- Sản phẩm phân hủy nguy hiểm trong trường hợp có hỏa hoạn : Khi nhiệt phân có thể dẫn tới việc giải phóng các khí và hơi gây kích ứng.

5.3. Phương tiện, trang phục bảo hộ và cảnh báo cần thiết khi chữa cháy

- Hướng dẫn cứu hỏa : Dập lửa ở khoảng cách an toàn tại vị trí đảm bảo. Không đi vào khu vực có lửa mà không trang bị bảo hộ, bao gồm cả thiết bị bảo vệ đường hô hấp. Cần trọng trong quá trình dập hỏa hoạn hóa học. Đứng tại nơi có gió.

MỤC 6: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

6.1. Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố

- Biện pháp chung : Thông báo cho các cấp chính quyền nếu sản phẩm rơi vào hệ thống cống rãnh hay nước công cộng. Thăm mọi chất bị vương đổ nhằm tránh sự cố gây hư hại vật chất. Không được hành động nếu không đào tạo thích hợp hoặc liên quan đến bất kỳ rủi ro cá nhân.

6.1.1. Dành cho cá nhân không mang chức năng cứu hộ

- Thiết bị bảo hộ : Mang thiết bị bảo hộ cá nhân được khuyến cáo.
- Biện pháp cấp cứu : Chỉ các nhân viên có kỹ năng và được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ theo yêu cầu mới được can thiệp. Không được hít thở bụi/khói/khí/sương/hơi/khí dung.

6.1.2. Dành cho cứu hộ viên

- Thiết bị bảo hộ : Không can thiệp khi không được trang bị bảo hộ thích hợp. Để biết thêm chi tiết, tham khảo mục 8 "Giới hạn tiếp xúc-an toàn cá nhân".
- Biện pháp cấp cứu : Cho những nhân viên không cần thiết ra ngoài.

6.2. Các cảnh báo về môi trường

Tránh thải ra môi trường. Thông báo cho các cấp chính quyền nếu sản phẩm rơi vào hệ thống cống rãnh hay nước công cộng.

6.3. Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố

- Dùng để chứa : Sử dụng xẻng sạch, xúc hóa chất vào một thùng chứa khô rồi đậy nắp lại nhưng không được nén chặt.
- Quy trình làm sạch : Thu hồi sản phẩm bằng tay. Thông báo cho các cấp chính quyền nếu sản phẩm rơi vào hệ thống cống rãnh hay nước công cộng.
- Các thông tin khác : Tiêu hủy các vật liệu hoặc cặn rắn tại cơ sở được cấp phép.

MỤC 7: Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

7.1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

- Nguy cơ phụ trong quá trình xử lý : Không được xem như nguy hiểm trong điều kiện sử dụng thường.

Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn : Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc. Đọc kỹ hướng dẫn chuyên biệt trước khi sử dụng. Không thao tác với sản phẩm khi chưa đọc và hiểu các thông tin về khuyến nghị an toàn. Dự phòng các biện pháp kỹ thuật cần thiết nhằm tránh hoặc hạn chế việc phân tán sản phẩm lên khu vực làm việc. Hạn chế lượng sản phẩm cần phải thao tác nhất có thể và hạn chế lượng người tiếp xúc với sản phẩm. Đảm bảo việc thoát khí và thông gió tốt tại không gian làm việc. Đeo thiết bị bảo vệ cá nhân. Nền, tường và các bề mặt khác nằm trong khu vực nguy hiểm phải thường xuyên được làm sạch. Không được hít thở bụi/khói/khí/sương/hơi/khí dung. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Phân loại quần áo làm việc và quần áo thông thường. Giặt chúng riêng rẽ. Giặt lại quần áo bị phơi nhiễm trước khi tái sử dụng. Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm trên. Rửa tay sau mỗi lần thao tác

Biện pháp vệ sinh

7.2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

Biện pháp kỹ thuật : Bảo quản tại nơi khô, thoáng và tránh khỏi nguồn nhiệt.

Điều kiện lưu trữ : Khóa lại. Kho trữ tại nơi có thông gió tốt. Bảo quản thùng chứa đóng kín.

Nơi lưu trữ : Bảo quản tránh xa ánh sáng mặt trời trực tiếp.

Thông tin về việc bảo quản lẫn lộn : Kho trữ tránh xa các vật liệu khác. Tham khảo danh sách chất liệu không tương đồng tại mục 10 Tính ổn định/Phản ứng.

Quy định đặc biệt về bao bì : Đặt các thùng chứa sao cho thông tin nhãn mác hiển thị rõ ràng. Giữ bao bì đóng kín khi sản phẩm không được sử dụng. Các vật chứa được lưu giữ cần được kiểm tra định kỳ về điều kiện chung và rò rỉ.

Vật liệu đóng gói : Luôn bảo quản sản phẩm trong bao bì cùng chất với bao bì gốc.

MỤC 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

Alkaline Earth Compound (1305-62-0)	
Việt Nam - Giá trị Giới hạn Tiếp xúc Nghề nghiệp	
Tên dùng	Calci hydroxide # Calcium hydroxide
OEL TWA	5 mg/m³ (bụi toàn phần) # (inhalable dust)
dẫn chiếu pháp quy	THÔNG TƯ Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 70 yếu tố hóa học tại nơi làm việc, Số: 09/2025/TT-BYT

8.2. Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp

Kiểm tra kỹ thuật theo quy định : Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc.

8.3. Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Trang thiết bị bảo hộ cá nhân:

Thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) phải phù hợp với tính chất công việc và mọi nguy cơ liên quan đến công việc như đã xác định bằng đánh giá rủi ro đã tiến hành.

Tránh mọi việc phơi nhiễm không cần thiết. Mang thiết bị bảo hộ cá nhân được khuyến cáo. Rửa mắt với dung dịch thích hợp.

Bảo vệ tay:
Đeo găng tay có khả năng chống thấm hóa chất: Nhựa Polyvinylchloride (nhựa PVC), Cao su Nitrile (NBR), Cao su Butyl (IIR).

Bảo vệ mắt:
Đeo thiết bị bảo vệ mắt: Mắt kính chống hoá chất hay mắt kính bảo hộ

Bảo vệ da và cơ thể:
Đi ủng bảo vệ: Giày chống hóa chất. Mặc quần áo bảo vệ: Quần áo bảo hộ tay dài. Sử dụng tạp dề bảo vệ: Tắm khẩn chống các chất hóa học

Bảo vệ đường hô hấp:

Mang mặt nạ thích hợp: Mặt nạ chống khí/bụi có lọc

(Các) Ký hiệu thiết bị bảo hộ cá nhân:



MỤC 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Trạng thái vật lý	: Rắn
Hình dạng	: Không có thông tin
Màu sắc	: Màu xám
Mùi đặc trưng	: mùi đặc trưng
Ngưỡng mùi	: Hiện chưa có thông tin bổ sung
pH	: Hiện chưa có thông tin bổ sung
Điểm nóng chảy, Điểm đóng băng	: Điểm nóng chảy: Not Applicable Điểm đóng băng: Không áp dụng được
Điểm sôi	: Không có thông tin
Điểm cháy	: Không áp dụng được
Nhiệt độ tự cháy	: Not Applicable
Nhiệt độ phân hủy	: 580°C (Alkaline Earth Compound)
Tính bất lửa (rắn, khí)	: Không bắt lửa
Áp suất hóa hơi	: Hiện chưa có thông tin bổ sung
Tỷ lệ hóa hơi	: Hiện chưa có thông tin bổ sung
Giới hạn nổ	: Không áp dụng được
Đặc tính nổ	: Không có thông tin
Năng lượng tối thiểu gây cháy	: Không có thông tin
Độ hòa tan	: Hiện chưa có thông tin bổ sung
Mật độ	: Mật độ: Not Applicable
Mật độ tương đối	: Mật độ hơi nước tương đối ở 20°C: Not Applicable
Độ nhớt, động học	: Không áp dụng được

MỤC 10: Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Khả năng phản ứng	: Sản phẩm không mang tính kích hoạt trong điều kiện sử dụng, kho trữ và vận chuyển thông thường
Tính ổn định	: Ổn định trong điều kiện bình thường.
Phản ứng nguy hiểm	: Không có phản ứng nguy hiểm được biết đến trong điều kiện sử dụng bình thường.
Các điều kiện cần tránh	: Không có trong điều kiện kho trữ và thao tác khuyến cáo (xem mục 7).
Vật liệu không tương thích	: Axit mạnh, Bazơ mạnh, Chất oxy hoá mạnh
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	: Không bắt cứ sản phẩm phân hủy mang tính chất nguy hiểm nào được bảo quản hoặc sử dụng trong điều kiện thường.

MỤC 11: Thông tin về độc tính

11.1. Độc cấp tính

Độ độc cấp tính (qua đường tiêu hóa)	: Không phân loại
Độ độc cấp tính (qua da)	: Không phân loại
Độ độc cấp tính (qua đường hô hấp)	: Không phân loại
Ăn mòn/kích ứng da	: Gây kích ứng da.
Tổn thương nghiêm trọng/ kích ứng mắt	: Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Tác nhân nhạy hô hấp/ Tác nhân nhạy da	: Không phân loại
Đột biến tế bào mầm	: Không phân loại

Xypex Modified

Phiếu An toàn Hóa chất

theo Thông tư 32/2017/TT-BCT

Tác nhân gây ung thư	: Có thể gây ung thư.
Độc tính sinh sản	: Không phân loại
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn	: Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại	: Gây tổn thương cho các cơ quan qua phơi nhiễm lặp lại hoặc phơi nhiễm kéo dài.
Nguy hại hô hấp	: Không phân loại

Xypex Modified	
Độ nhớt, động học	Không áp dụng được

MỤC 12: Thông tin về sinh thái

12.1. Độc môi trường

Sinh thái - tổng quát	: Chất trên được xem như không có hại cho các sinh vật thủy sinh và không gây tác dụng tiêu cực về lâu dài cho môi trường.
Nguy hại cho môi trường thủy sinh, ngắn hạn (cấp)	: Không phân loại
Nguy hại cho môi trường thủy sinh, lâu dài (mãn)	: Không phân loại

12.2. Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Xypex Modified	
Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy	Không phân hủy nhanh

Alkaline Earth Compound (1305-62-0)	
Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy	Không phân hủy nhanh

12.3. Khả năng tích lũy sinh học

Xypex Modified	
Khả năng tích lũy sinh học	Hiện chưa có thông tin bổ sung

12.4. Độ linh động trong đất

Xypex Modified	
Tính lưu động dưới đất	Hiện chưa có thông tin bổ sung

12.5. Các tác hại khác

Các tác dụng có hại khác	: Hiện chưa có thông tin bổ sung
--------------------------	----------------------------------

MỤC 13: Thông tin về thải bỏ

Phương pháp xử lý chất thải	: Tiêu hủy sản phẩm/bình chứa theo đúng hướng dẫn phân loại của bên xử lý được công nhận.
Khuyến cáo cho việc xử lý nước thải	: Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.
Các khuyến cáo về việc xử lý sản phẩm/bao bì	: Tuân thủ theo các quy định hiện hành về việc tiêu hủy các chất thải rắn. Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.
Thông tin bổ sung	: Không sử dụng lại các bình chứa rỗng.

MỤC 14: Thông tin khi vận chuyển

Phù hợp với IMDG / IATA / UN RTDG		
IMDG	IATA	UN RTDG
14.1 Số hiệu UN		

IMDG	IATA	UN RTDG
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.2 Công ty vận chuyển		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.3 Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.4 Phân nhóm đóng gói		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.5 Nguy cơ môi trường		
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
Không có thông tin bổ sung		

14.6. Vận chuyển trong tàu lớn

Không áp dụng được

14.7. Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý, cần tuân thủ trong vận chuyển

UN RTDG

Không áp dụng được

IMDG

Không áp dụng được

IATA

Không áp dụng được

MỤC 15: Thông tin về pháp luật

15.1. Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật hóa chất		
Việt Nam Phụ lục I: Danh Mục Hóa Chất Sản Xuất, Kinh Doanh Có Điều Kiện Trong Lĩnh Vực Công Nghiệp	Không có thông tin	
Việt Nam Phụ lục II: Danh Mục Hóa Chất Hạn Chế Sản Xuất, Kinh Doanh Trong Lĩnh Vực Công Nghiệp	Không có thông tin	
Việt Nam Phụ lục III: Danh mục hóa chất cấm	Không có thông tin	
Việt Nam Phụ lục IV: Danh mục hóa chất nguy hiểm phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất	Không có thông tin	
Việt Nam Phụ lục V: Danh mục hóa chất phải khai báo	Không có thông tin	

Danh Sách Hóa Chất (NCI)

Danh Sách Hóa Chất (NCI)	Không có thông tin	
--------------------------	--------------------	--

15.2. Các quy định quốc tế

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 16: Các thông tin cần thiết khác

Nguồn dữ liệu	: Safe Work Australia - Code of Practice - Preparation of Safety Data Sheets for Hazardous Chemicals Safe Work Australia - Code of Practice - Labelling of Workplace Hazardous Chemicals Safe Work Australia - Workplace Exposure Standards for Airborne Contaminants Safe Work Australia - Hazardous Chemical Information System (HCIS) Australian Inventory of Industrial Chemicals (AICIS Inventory) Environmental Protection Authority - Hazardous Substances (Hazard Classification) Notice 2020 Environmental Protection Authority - Hazardous Substances (Safety Data Sheets) Notice 2017 Environmental Protection Authority - Hazardous Substances (Labelling) Notice 2017 New Zealand - Chemical Classification and Information Database (CCID) New Zealand - Inventory of Chemicals (NZIoC) European Chemicals Agency (ECHA) - Annex VI (C&L Inventory) European Chemicals Agency (ECHA) - REACH Study Results European Chemicals Agency (ECHA) - REACH Registration Dossiers United Nations - Globally Harmonised System of Classification and Labelling of Chemicals (GHS) Uniform Scheduling of Medicines and Poisons (SUSMP) United Nations Recommendations on the Transport of Dangerous Goods (UNRTDG Model Regulation) Australian Dangerous Goods Code (ADG Code) International Air Transport Association Dangerous Goods Regulations (IATA DGR) International Maritime Dangerous Goods (IMDG Code)
Phiên bản	: 01
Ngày phát hành	: 13/11/2025
Ngày sửa đổi	: 13/11/2025

Dấu hiệu thay đổi:
Phiên bản đầu tiên.

Bản đầy đủ của các câu H:	
H315	Gây kích ứng da
H318	Gây tổn thương mắt nghiêm trọng
H335	Có thể gây kích ứng đường hô hấp
H350	Có thể gây ung thư
H372	Gây tổn thương cho các cơ quan qua phơi nhiễm lặp lại hoặc phơi nhiễm kéo dài

Phiếu An toàn Hóa chất (SDS), Việt Nam

Các thông tin trong phiếu dữ liệu an toàn trên được thực hiện dựa trên hiểu biết của chúng tôi để phục vụ cho sức khỏe, an toàn và môi trường. Các thông tin trên không thể được nhầm lẫn với bất kì đảm bảo nào cho bất kì đặc tính nào của sản phẩm.